

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 16-7-2024

V/v: Ly hôn; Tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang

Bà Phạm Thị Anh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2024/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn; Tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình số 08/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vương Thúy V, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố H, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tiến D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Vương Thúy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tiến D sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận kết số: 01 ngày 02/01/2014. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài từ đó cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau, hai người không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung là Nguyễn Nữ Thanh T, sinh ngày 22/10/2014. Trường hợp được Tòa án giải quyết ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện bà là giáo viên, lương hàng tháng 9.000.000 đồng/tháng, có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai người đã thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà V về quan hệ hôn nhân, về con chung và về tài sản chung, tuy nhiên ông không đồng ý về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng.

Ông thừa nhận trong thời gian ông và bà V chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đáng kể, nguyên nhân là bà V không sinh con thứ hai cho ông, không tôn trọng chồng như tiền lương hàng năm không báo, đi đâu làm gì cũng không cho ông biết, thường xuyên hay đi sớm về muộn, ít quan tâm gia đình, không tham gia các hoạt động tôn giáo mà cam kết trước khi lấy chồng, bản thân ông không vi phạm gì lớn về chuyện gia đình nên ông không đồng ý ly hôn. Hơn nữa, nguyên nhân bà V đưa ra không thuyết phục và bà V chưa biết lỗi sai của

mình.

Trường hợp Tòa án vẫn chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V thì ông xin được nuôi cháu T và yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 30% lương và thu nhập ngoài lương của bà V. Hiện nay, ông làm nghề tự do, mỗi tháng thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 08/2024/HNGĐ-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thúy V. Bà Vương Thúy V được ly hôn ông Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao cho bà Vương Thúy V là người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, tên là: Nguyễn Nữ Thanh T, sinh ngày 22/10/2014.

3. Ông Nguyễn Tiến D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Vương Thúy V không yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/4/2024, ông D kháng cáo bản án sơ thẩm số 08/2024/HNGĐ-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện N với nội dung: Ông D không đồng ý ly hôn với bà V. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm vẫn chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V thì đề nghị giao con chung là Nguyễn Nữ Thanh T cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần tranh luận tại phiên tòa của các bên đương sự, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ kháng cáo của ông D. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn; Tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Xét các yêu cầu kháng cáo của ông D, nhận thấy:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tại cấp sơ thẩm, bà V cho biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà và ông D thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông D muốn kiểm soát thời gian đi làm của bà và kiểm soát kinh tế, tài sản gia đình, vợ chồng nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau; về phía ông D, cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng cho rằng nguyên nhân xuất phát từ phía bà V do bà V không sinh con thứ hai cho ông, không tôn trọng ông, đi đâu làm gì cũng không cho ông biết, thường xuyên đi sớm về muộn, ít quan tâm gia đình, không tham gia các hoạt động tôn giáo như bà V đã cam kết trước khi lấy chồng. Tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận những nguyên nhân mâu thuẫn nêu trên là đúng sự thật, vì vậy, căn cứ vào lời khai của các bên, có căn cứ để xác định đời sống hôn nhân giữa bà V, ông D có mâu thuẫn và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục; thực tế, bà V, ông D cũng không còn sống chung từ khoảng tháng 9/2023 đến nay. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và vẫn có thể hàn gắn được, tuy nhiên, ông D không đưa ra được chứng cứ chứng minh kể từ thời điểm vợ chồng ly thân cho đến nay, ông D đã có những hành động hoặc phương thức để hàn gắn quan hệ hôn nhân của cả hai, vì vậy, kháng cáo không đồng ý ly hôn của ông D không được chấp nhận.

[6] Về con chung: Vợ chồng ông D bà V có 01 con chung - tên Nguyễn Nữ Thanh T (10 tuổi). Cả ông D và bà V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện nay, ông D, bà V đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đủ đảm bảo điều kiện vật chất để nuôi dưỡng cháu T, tuy nhiên, cháu T là con gái, lại có nguyện vọng được ở với mẹ và bản thân bà V là giáo viên, sẽ có điều kiện tốt hơn trong việc nuôi dạy, giáo dục cháu T, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu T cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T của ông D cũng không được chấp nhận.

[7] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông D. Chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của ông D không được chấp nhận nên ông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002020 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Ông D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D.

Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 08/2024/HNGĐ-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện N.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Các điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thúy V. Bà Vương Thúy V được ly hôn ông Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Nữ Thanh T, sinh ngày 22/10/2014 cho bà Vương Thúy V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Vương Thúy V không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

3.1. Bà Vương Thúy V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001300 ngày 02/11/2023 (do bà Lê Thị Hồng L nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002020 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ông D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2024)./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Chi cục THADS huyện N (1);
- TAND huyện N (1);
- UBND xã Q (GCNKH số: 01, ngày 02/01/2014) (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Dịu